TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN QUAN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày 26/9/2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất, di dời tài sản trên đất, yêu cầu chấm dứt hành vi tranh chấp đất, chặt phá cây và trồng cây trên đất tranh chấp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Thị Mỹ Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bành Văn Dân

Ông Ngô Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024, về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, di dời tài sản trên đất, yêu cầu chấm dứt hành vi tranh chấp đất, chặt phá cây và trồng cây trên đất tranh chấp, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐST-DS ngày 21/8/2024, Quyết định hoãn phiên toà số: 08/2024/QĐST-DS ngày 17/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phùng Văn Đ, sinh năm 1949. Vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Phùng Văn C. Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, Lạng Sơn (theo văn bản uỷ quyền ngày 22/2/2024.) Có mặt

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Văn Ồ, sinh năm 1961. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Anh Lê Văn X. Cùng địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện V, Lạng Sơn (theo văn bản uỷ quyền ngày 23/9/2024). Có mặt.

2. Anh Lê Văn X, sinh năm 1992. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện V, Lạng Sơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phùng Văn T. Có mặt.

2. Anh Phùng Văn C. Có mặt.

3. Anh Phùng Văn C1. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Người đại diện theo uỷ quyền là anh Phùng Văn C (theo văn bản uỷ quyền ngày 09/5/2024). Có mặt.

4. Phùng Thị L, sinh năm 1972. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Phùng Thị T1, sinh năm 1967. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Anh Phùng Văn K (tên thường gọi Phùng Văn C2). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, Lạng Sơn.

7. Phùng Thị B, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Lê Văn T2. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

2. Lê Tuấn T3. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn B, xã P, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/4/2024, lời trình bày tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phùng Văn Đ và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Phùng Văn C thống nhất trình bày:

Gia đình ông Phùng Văn Đ có khu đồi C - P tại thôn B, xã P, sau sáp nhập là xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn thuộc thửa số 08, tờ bản đồ số 01 bản đồ Lâm nghiệp xã P (được đo đạc năm 2011), mang tên ông Phùng Văn Đ kê khai năm 2012, tổng diện tích: 184.765,0 m^2. Nguồn gốc là do cụ Phùng Văn G và Nông Thị P (đều đã chết) để lại cho anh trai ông Phùng Văn Đ tên là Phùng Văn L1 (đã chết năm 2021). Ông Phùng Văn L1 đã được giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (sổ Bìa xanh) số lô 9 mang tên Phùng Văn L1 từ ngày 16/8/1993 có địa danh là P, thôn K, xã T (cũ) nay là thôn B, xã L, huyện V diện tích là 10ha. Sau đó anh em thỏa thuận chia nhau mỗi người quản lý, sử dụng một phần, việc chia không làm văn bản, không nhớ thời gian. Từ khi được chia ông Phùng Văn Đ và gia đình quản lý, khoanh nuôi bảo vệ không ai tranh chấp, nhưng chưa trồng cây gì. Diện tích ông Phùng Văn Đ được chia chính là thửa số 8 diện tích 184.765,0m^2 hiện nay, nhưng gia đình chưa kê khai và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Khu rừng giáp ranh với đất rừng nhà ông Lê Văn Ồ, gia đình ông quản lý sử dụng từ khi được chia cho đến năm 2016 thì xảy ra tranh chấp với ông Lê Văn Ồ, nguyên nhân do anh Lê Văn X và Lê Văn L2 (là con và cháu ông Lê Văn Ồ) mở đường vào khu rừng, chặt hạ cây tự nhiên để lấy gỗ, gia đình yêu cầu UBND xã P (cũ) và UBND xã T hoà giải, 02 bên đã thoả thuận lấy ranh giới thửa đất là "Nước chảy về đâu thì bên đó quản lý, tức là nước chảy về phía rừng nhà ông Phùng Văn Đ thì ông Phùng Văn

Đ quản lý, nước chảy về phía rừng nhà ông Lê Văn Ồ thì ông Lê Văn Ồ quản lý). Hai bên đã ký biên bản thoả thuận tại UBND xã. Từ đó ông Phùng Văn Đ và gia đình tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 8. Đến năm 2022 anh Lê Văn X lên trồng 400 cây bạch đàn trên một phần thửa đất số 08, gia đình không biết. Đến tháng 9/2022 con ông là Phùng Văn T phát hiện có cây keo, bạch đàn trên đất nên đã cùng anh Phùng Văn K (con ông Phùng Văn L1) chặt cây keo và nhổ cây bạch đàn. Sau đó anh Phùng Văn T, Phùng Văn K bị Công an huyện Văn Quan truy cứu trách nhiệm hình sự, Tòa án huyện Văn Quan xét xử về hành vi hủy hoại tài sản. Đầu năm 2023 anh Lê Văn X và ông Lê Văn Ồ tiếp tục lấn chiếm, trồng thêm khoảng 400 cây bạch đàn trên diện tích khoảng 01ha tại thửa 08. Khu đất tranh chấp có các phía tiếp giáp: Phía Đông giáp đất rừng nhà ông Lê Văn T2; Phía Bắc giáp đất rừng nhà ông Phùng Văn K; Phía Nam giáp đất rừng nhà ông Lê Văn L2; Phía Tây giáp đất rừng nhà ông Lê văn Ồ1, Lê Văn X; Diện tích đất đang tranh chấp vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Phùng Văn Đ, chưa chia cho các con.

Kết quả xem xét thẩm định ngày 24/6/2024 xác định diện tích đất tranh chấp là 4.175,3m^2, trong đó diện tích S1 là 655,5m^2 thuộc một phần thửa số 17, diện tích S2 là 3.088,3m^2 (trong đó diện tích 263,1m^2 là đất đường đi) thuộc một phần thửa số 8, diện tích S3 là 431,5m2 thuộc một phần thửa 33 tờ bản đồ đất lâm nghiệp số 01 xã P cũ, nay sáp nhận là xã L, huyện V đo vẽ năm 2011, tại địa danh: P - C, thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Các hướng tiếp giáp: Phía Đông giáp phần còn lại của thửa số 8 và thửa số 17; Phía Đông Bắc giáp phần còn lại của thửa số 17; Phía Nam và Đông Nam giáp phần còn lại của thửa số 8, 17, 33; Phía Tây giáp phần còn lại của thửa số 8. Tài sản trên đất gồm có 516 cây bạch đàn do gia đình bị đơn trồng năm 2022, 2023.

Kết luận giám định bản đồ ngày 05/8/2024 của Giám định viên Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn kết luận: *Diện tích đất 4.175,3 m2, trong đó diện tích S1 là 655,5 m^2 thuộc một phần thửa số 17, diện tích S2 là 3.088,3 m^2 thuộc một phần thửa số 8, diện tích S3 là 431,5 m^2 thuộc một phần thửa số 33 không trùng với lô số 09 tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T, huyện V mang tên hộ ông Phùng Văn L1; không trùng với lô, thửa nào của tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp xã P (cũ); không trùng với lô, thửa nào của tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp xã G, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; từ năm 1993 đến năm 1998 thì diện tích đất 4.175,3m^2 không được đo vẽ thể hiện trên bản đồ.*

Nay nguyên đơn yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp S2 là 2.825,2m^2 thuộc một phần thửa số 8 sổ mục kê có tên là Phùng Văn Đ. Yêu cầu ông Lê Văn Ồ, Lê Văn X di dời tài sản trên là cây bạch đàn có đường kính 0,5cm-0,9cm trên diện tích S2 là 2.825,2m^2 đi nơi khác và chấm dứt hành vi tranh chấp đất, chặt phá cây và trồng cây trên diện tích đất tranh chấp. Đối với diện tích S1 là 655,5m^2 thuộc một phần thửa số 17, diện tích S3 là 431,5m^2 thuộc một phần thửa 33 và diện tích đã ủi làm đường đi thuộc thửa số 8 là 263,1m^2 nguyên đơn không yêu cầu quản lý, sử dụng và có đơn xin rút một phần yêu cầu với diện tích đất thuộc S1, S3 và đường đi với tổng diện tích là 1.350,1m^2, không yêu cầu di dời tài sản trên phần diện tích đã rút.

Về các chi phí tố tụng gồm chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản 20.090.000 đồng; trưng cầu giám định bản đồ là 2.200.00 đồng. Tổng số tiền là 22.290.000 đồng, nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi liên quan phía nguyên đơn: Anh Phùng Văn C1, Phùng Văn T, Phùng Văn C đều thống nhất với quan điểm trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, không có yêu cầu độc lập, không có ý kiến khác. Yêu cầu giải quyết cho ông Phùng Văn Đ được tiếp tục quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất tranh chấp.

Bị đơn ông Lê Văn Ồ, anh Lê Văn X thống nhất trình bày: Gia đình có khu đất rừng P - C, thuộc thôn B (xã P trước đây) nay là xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Khu đất tranh chấp với ông Phùng Văn Đ chính là vị trí gia đình đang trồng cây bạch đàn, thuộc một phần thửa số 8 tờ bản đồ số 01, chưa được giao cho hộ gia đình, cá nhân nào. Liền kề khu đất tranh chấp chính là thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01 bản đồ xã P, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, đã được giao Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (sổ Bìa xanh) cho ông Lê Văn Ồ, đã được chuyển đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ Bìa đỏ) từ năm nào bị đơn không nhớ, mang tên Lê Văn Ồ. Sổ Bìa xanh đã bị Uỷ ban nhân dân (UBND) xã P (cũ) thu đi để làm thủ tục chuyển sổ Bìa đỏ. Nguồn gốc khu đất rừng do ông Lê Văn Ồ và bà Phương Thị X1 (chết năm 2023) khai phá, gia đình quản lý, sử dụng ổn định, hàng năm khoanh nuôi, hái củi, chưa thấy có ai khác ngoài gia đình lên khu đất này trồng cây. Trước năm 2022 anh Lê Văn X phát rừng để trồng cây sở, nhưng do đất khô cằn cây không sống được lại trồng bạch đàn được 02 tháng thì anh Phùng Văn T, Phùng Văn K đến nhổ 400 cây, từ đó mới xảy ra tranh chấp, tháng 02/2023 anh Lê Văn X trồng dặm thêm cây bạch đàn trên phần diện tích đất bị nhổ. Diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc là 4.175,3 m^2 trong đó diện tích thuộc thửa số 8 là 3.088,3m^2, diện tích thuộc thửa 17 là 655,5m^2, phần diện tích thuộc thửa số 33 là 431,5m^2 là phần đất gia đình đang quản lý, sử dụng. Hiện nay cây đang phát triển tốt, nhưng gia đình bị đơn chưa kê khai quyền sử dụng đối với diện tích đất đang tranh chấp. Trong sổ mục kê của UBND xã P (cũ) có ghi thửa số 8 có tên Phùng Văn Đ, thửa 17 có tên Phùng Văn L1, thửa 33 có tên Lê Văn L2. Phần diện tích đất còn lại thuộc một phần thửa số 8 và một phần thửa 17 ai quản lý, sử dụng các bị đơn không biết. Một phần diện tích thuộc thửa số 33 còn lại do nhà anh Lê Văn L2 quản lý. Các bị đơn Lê Văn Ồ, Lê Văn X không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Ông Lê Văn Ồ, Lê Văn X không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi liên quan phía bị đơn bà Phùng Thị T1, bà Phùng Thị B1, bà Phùng Thị L (con ông Phùng Văn L1) đều khẳng định diện tích đất thuộc thửa số 8 là của ông Phùng Văn L1 khai phá sau khi các bà đi lấy chồng, sau đó ông Phùng Văn L1 đã chia một phần cho ông Phùng Văn Đ quản lý, sử dụng. Do vậy hiện nay không còn liên quan đến đất tranh chấp, không có yêu cầu độc lập và ý kiến khác.

Người làm chứng: Ông Lê Văn T2, anh Lê Tuấn T3 thống nhất trình bày: Gia đình có đất tại địa danh Khum Háu số thửa là 35, không tiếp giáp với vị trí khu đất tranh chấp tại C - P, ông T2 đã lâu không lên khu rừng bao giờ do ốm

yếu, anh T3 không thường xuyên lên rừng nên không biết gì về khu đất tranh chấp, cũng không biết ranh giời đất của các hộ gia đình cụ thể.

Tại văn bản số 610/CV-UBND ngày 17/7/2024 của Uỷ ban nhân dân (UBND) xã L, huyện V xác định: Thửa số 8 diện tích 184.765,0m^2 trong sổ mục kê có tên ông Phùng Văn Đ, chưa được cấp GCNQSDĐ; Thửa số 17 diện tích 98.271,0m^2 trong sổ mục kê có tên ông Phùng Văn C2, chưa được cấp GCNQSDĐ; Thửa số 33 diện tích 135.041,0m^2 trong sổ mục kê có tên Lê Văn Ồ, chưa được cấp GCNQSDĐ. Năm 2016 UBND xã P hòa giải tranh chấp đất giữa gia đình ông Lê Văn Ồ với ông Phùng Văn D, Phùng Văn K, có kết luận các bên sử dụng đất lấy giông đồi làm ranh giới, nước chảy bên nào thì bên đó quản lý, sử dụng, ông Lê Văn Ồ chấm dứt việc mở đường, không được chặt phá cây thuộc phần đất ông Phùng Văn T ông Phùng Văn K (tức C2) quản lý.

Công văn số 1723/UBND-TNMT ngày 08/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện V xác định: Tờ bản đồ đất lâm nghiệp số 01 xã P cũ, nay sáp nhập là xã L, huyện V đo vẽ năm 2011, trên sổ mục kê đất đai thửa đất số 8 kê khai tên ông Phùng Văn Đ; thửa đất số 17 kê khai tên ông Phùng Văn C2; thửa đất số 33 kê khai tên ông Lê Văn Ồ. Từ năm 2011 đến nay, chưa có hộ gia đình nào thực hiện thủ tục đăng ký đất đai xin cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 8, 17, 33. Kiểm tra bản đồ giao đất lâm nghiệp xã P đo vẽ năm 1995, tỷ lệ 1:10.000, sổ Lâm bạ xã năm 1995 cho thấy diện tích đất tranh chấp chưa được đo vẽ, thể hiện trên bản đồ, trước khi thực hiện đo vẽ bản đồ địa chính năm 2008 chưa có hộ gia đình nào đến đăng ký kê khai với chính quyền địa phương và thửa đất chưa được cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân nào. Qua xem xét đối chiếu cho thấy khu đất tranh chấp chưa được giao quyền quản lý và sử dụng rừng, cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân nào. Quá trình lập bản đồ giao đất rừng năm 1995 do Hạt kiểm lâm tham mưu cho UBND huyện V chỉ thực hiện can vẽ thể hiện các yếu tố trên bản vẽ như đường bình độ, ranh giới tiểu khu, sông suối, ranh giới lô, thửa đất,...bằng phương pháp thủ công (bằng tay) trên nền giấy, không có tọa độ cụ thể. Việc giao đất giao rừng không tiến hành đo đạc xác định ranh giới mốc giới tại thực địa, chỉ xác định theo địa hình địa vật, dông, khe, suối và giáp ranh các hộ liền kề (các hộ tự thỏa thuận ranh giới mốc giới với nhau, không ký ranh giới trên hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng). Các thửa đất số 8,17,33 được quy hoạch là đất rừng sản xuất. Từ trước đến nay UBND huyện chưa từng thụ lý giải quyết tranh chấp đất đai đối với các thửa đất số 8,17,33.

Văn bản số 139/NN&PTNT ngày 22/8/2024 của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện V: Đối với cây bạch đàn có đường kính từ 3 đến 5cm và từ 5 đến 10 cm cây đang phát triển nếu di dời đi nơi khác trồng được nhưng tỷ lệ sống không đảm bảo vì khi di chuyển đi nơi khác làm đứt rễ cọc và rễ không có khả năng phục hồi, vì vậy khi di chuyển trồng nơi khác cây không đảm bảo sống.

Xác minh tại UBND xã L xác định từ năm 2016 UBND xã P (cũ) hoà giải việc tranh chấp đất đai giữa gia đình ông Lê Văn Ồ, ông Phùng Văn Đ tại C – P nhưng không thành, từ năm 2016 đến nay hai hộ gia đình trên chưa thực hiện kê khai quyền sử dụng đối với khu đất tranh chấp.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng, thu thập tài liệu chứng cứ đúng trình tự thủ tục, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật nên Viện kiểm sát không có đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các khoản 2, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 158, 165, 166, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi quyền quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp là 2.825,2m², thuộc một phần thửa đất số 8 tờ bản đồ số 01 bản đồ Lâm nghiệp xã L, huyện V; Không chấp nhận yêu cầu di dời tài sản của nguyên đơn đối với cây bạch đàn do bị đơn đã trồng trên đất tranh chấp; Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Lê Văn Ồ và Lê Văn X chấm dứt hành vi tranh chấp. Đình chỉ giải quyết đối với diện tích đường đi nằm trên thửa số 8 là 263,1m², diện tích thuộc thửa 17 là 655,5m², thửa số 33 là 431,5m² bao gồm cả con đường có diện tích 36m².

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng 22.290.000 đồng**.** Về án phí: Do yêu cầu không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên nguyên đơn là người cao tuổi, dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị miễn án phí cho ông Phùng Văn Đ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Quan hệ tranh chấp trong vụ án là Tranh chấp quyền sử dụng đất, di dời tài sản trên đất, yêu cầu chấm dứt hành vi tranh chấp đất, chặt phá cây và trồng cây trên đất tranh chấp. Đương sự có nơi cư trú tại thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 2, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc cấp tống đạt văn bản tố tụng, các đương sự tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền

và nghĩa vụ, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phùng Thị L, Phùng Thị T1, Phùng Thị B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông lê Văn Ồ2 vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại các Điều 227, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp: Nguyên đơn Phùng Văn Đ cho rằng do ông Phùng Văn L1 khai phá, được Nhà nước giao quyền quản lý và sử dụng cho ông Phùng Văn L1 từ năm 1993, tại lô số 9, diện tích 10ha, sau đó ông Phùng Văn L1 chia cho ông Phùng Văn Đ một phần đất, chính là thửa số 8 hiện nay, việc chia đất rừng không lập văn bản, không có người làm chứng. Thực tế cho thấy thửa số 8 hiện nay chưa ai được kê khai và chưa được cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân nào. Một phần diện tích thuộc thửa số 8 đã được ông Lê Văn Ồ, Lê Văn X trồng cây, còn lại phần lớn thửa đất số 8 chưa được nguyên đơn canh tác, trồng cây. Phía nguyên đơn không đưa ra được căn cứ chứng minh về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng. Còn bị đơn ông Lê Văn Ồ và Lê Văn X cho rằng khu đất có nguồn gốc của vợ chồng ông Lê Văn Ồ khai phá, trong đó phần đất đang tranh chấp do bị đơn khai phá, quản lý, sử dụng tưf năm 2016 đến nay, nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ. Như vậy cả nguyên đơn và bị đơn đều không có giấy tờ liên quan đến nguồn gốc và chưa được cấp GCNQSDĐ.

[5] Căn cứ kết luận giám định bản đồ, xác định đất đang tranh chấp 4.175,3m2 thuộc các thửa 8, 17, 33, các thửa đất này từ năm 1993 đến năm 1998 không được đo vẽ thể hiện trên bản đồ. Trong đó thửa số 8 quy chủ trên sổ lâm bạ là ông Phùng Văn Đ, thửa 17 quy chủ cho ông Phùng Văn K, thửa 33 quy chủ cho ông Lê Văn Ồ, nhưng các thửa đất nêu trên đều chưa có ai kê khai và chưa được cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân nào.

[6] Về quá trình sử dụng đất tranh chấp và tài sản trên đất: Ông Phùng Văn Đ cho rằng đất tranh chấp thuộc lô số 9 của ông Phùng Văn L1, nay thuộc thửa 8 mang tên Phùng Văn Đ, nhưng theo kết luận giám định bản đồ, xác định đất đang tranh chấp 4.175,3m^2 từ trước đến nay chưa được thể hiện trên bản đồ qua các thời kỳ. Hơn nữa ngoài diện tích đất mà các bị đơn trồng cây bạch đàn thì hiện nay toàn bộ thuộc thửa 8 còn lại chưa ai sử dụng. Phần đất trồng cây bạch đàn là do bị đơn mới trồng từ năm 2022. Phía nguyên đơn cho rằng năm 2016 có xảy ra tranh chấp, 2 bên gia đình thỏa thuận lấy "dông đồi làm ranh giới, nước chảy bên nào thì bên đó quản lý". Tuy nhiên, trên thực tế từ trước năm 2016 gia đình nguyên đơn không có canh tác, quản lý, sử dụng khu đất tranh chấp. Từ năm 2016 đến nay mặc dù có việc tranh chấp và đã được UBND xã P (cũ) hòa giải nhưng không thể hiện 2 bên có sự thỏa thuận về ranh giới sử dụng đất mà do Hội đồng hoà giải của xã kết luận "*nước chảy bên nào, thì bên đó quản lý*", việc kết luận cũng không làm ranh giới cụ thể, rõ ràng mà chỉ kết luận chung chung, chưa được bên nguyên đơn, bị đơn thực hiện. Từ năm 2016 đến nay nguyên đơn, bị đơn cũng chưa có ai làm thủ tục kê khai xin cấp GCNQSDĐ. Trên phần đất còn lại của thửa 8 là rừng tự nhiên, không ai canh tác, chưa có sự tác động của con người, không có tài sản của nguyên đơn. Như vậy nguyên đơn Phùng Văn Đ không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về quá trình quản lý, sử dụng đất

tranh chấp.

[7] Bị đơn Lê Văn X, Lê Văn Ồ cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh về nguồn gốc đất. Tuy nhiên diện tích đất đang tranh chấp thuộc một phần thửa 8 hiện nay bị đơn đã trồng cây, quá trình quản lý sử dụng phía bị đơn cũng chưa làm thủ tục kê khai quyền sử dụng đất.

[8] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy nguyên đơn Phùng Văn Đ yêu cầu quản lý, sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phùng Văn Đ.

[9] Về yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn di dời tài sản trên đất, chấm dứt tranh chấp bà trồng cây trên đất**:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp không được chấp nhận, nên không có căn cứ chấp nhận nên yêu cầu của nguyên đơn Phùng Văn Đ

[10] Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phùng Văn C1, Phùng Văn T, Phùng Văn C yêu cầu giải quyết cho ông Phùng Văn Đ được tiếp tục quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất tranh chấp không phù hợp với nhận định nêu trên, nên không được chấp nhận.

[11] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan tỉnh Lạng Sơn phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Về chi phí tố tụng gồm chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trưng cầu giám định bản đồ hết tổng số tiền là 22.290.000 đồng. Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối với diện thích lối đi thuộc thửa 8, diện tích đất thửa 17 và thửa 33 và yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận toàn bộ nên ông Phùng Văn Đ phải tự chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

[13] Về án phí: Do Hội đồng xét xử không chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy nguyên đơn là người cao tuổi, là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng đặc biệt khó khăn, xin miễn án phí, nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[14] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 161; Điều 162; khoản 1 Điều 165; Điều 166; khoản 1, 2 Điều 228; Điều 229; Điều 264; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ 105, 107 Luật Đất đai năm 2003; Điều 170, 203 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 điều 24, khoản 1 Điều 26; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Văn Đ đòi quyền quản lý, sử dụng diện tích đất S2 là 2.825,2m^2 thuộc một phần thửa số 8 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 01, được thể hiện bởi các điểm A-E-F-T-R-S và N và tài sản trên đất. (*theo mảnh trích đo khu đất tranh chấp ngày 24/6/2024) tại* địa danh P – C, thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và tài sản trên đất.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phùng Văn Đ yêu cầu ông Lê Văn Ồ, anh Lê Văn X di dời cây trên đất, chấm dứt hành vi tranh chấp và chặt phá cây trên diện tích đất tranh chấp.

1.3. Đình chỉ giải quyết đối với diện tích S1 là 655,5m^2 thuộc một phần thửa số 17 thể hiện bởi các điểm A-B-C-D-E, diện tích S3 là 431,5m^2 thể hiện bởi các điểm F-G-H-K-L-M-N-V thuộc một phần thửa 33 và diện tích đường đi thuộc thửa số 8 là 263,1m^2 thể hiện bởi các điểm P-Q-R-T-U, tổng diện tích 1.350,1m^2 thuộc tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 01 và tài sản trên đất (*theo Mảnh trích đo khu đất ngày 24/6/2024),* tại P - C, thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Phùng Văn Đ phải chịu toàn bộ các chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chi phí giám định 22.290.000 đồng (*Hai mươi hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng).* Xác nhận ông Phùng Văn Đ đã nộp đủ số tiền nêu trên.

3. Về án phí: Ông Phùng Văn Đ được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Mỹ Phước